



jì cǎo
蓟草

noun · thistle plant

Example Sentence

Zhè zhǒng jì cǎo zài chūn tiān kāi huā.
这种蓟草在春天开花。

This kind of thistle blooms in spring.

Trace each character, then write the word on your own.

蓟	蓟	蓟	蓟	蓟	蓟	蓟	蓟	蓟	蓟	蓟
蓟	蓟	蓟	蓟	蓟						
草	草	草	草	草	草	草	草	草	草	草
草										